

## CHÍNH PHỦ

### NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

#### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày  
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng  
ngày 19 tháng 8 năm 1991;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước  
ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11  
năm 2003;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông  
nghiệp và Phát triển nông thôn,*

#### NGHỊ ĐỊNH:

##### *Chương I*

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định việc sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

2. Nghị định này áp dụng đối với các lâm trường quốc doanh, các doanh nghiệp

lâm nghiệp nhà nước được giao, được thuê đất để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng và sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp (sau đây gọi chung là lâm trường quốc doanh).

**Điều 2.** Mục tiêu đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý lâm trường quốc doanh

1. Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các lâm trường quốc doanh.

3. Tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động; góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn

**Điều 3.** Nguyên tắc sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh

1. Sắp xếp, đổi mới các lâm trường quốc doanh phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, nhất là quy hoạch, kế hoạch phát triển lâm nghiệp.

2. Phân biệt rõ được loại hình lâm trường thực hiện nhiệm vụ công ích và nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh:

a) Những lâm trường thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh là chủ yếu thì phải hoạt động sản xuất và hạch toán theo cơ chế thị trường.

b) Những lâm trường chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích thì chuyển thành Ban Quản lý rừng, hoạt động theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp có thu.

3. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về rừng, Nhà nước chỉ trực tiếp đầu tư, quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ rất xung yếu và xung yếu, những vùng rừng xa dân không thể giao khoán cho dân, rừng tự nhiên còn trữ lượng lớn. Những diện tích rừng tự nhiên còn lại giao cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để tự đầu tư kinh doanh (khoanh nuôi, tái sinh) và hưởng lợi từ kết quả sản xuất, kinh doanh nghề rừng.

## Chương II

### ĐỔI MỚI CƠ CẤU TỔ CHỨC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH

**Điều 4.** Đổi mới tổ chức lâm trường quốc doanh

1. Những lâm trường đang quản lý chủ yếu là rừng trồng sản xuất, đất quy hoạch để trồng rừng sản xuất và quản lý rừng sản xuất chủ yếu là rừng tự nhiên có quy mô diện tích tập trung thì tổ chức lại thành Công ty Lâm nghiệp trên cơ sở phương án sản xuất, kinh doanh (từ trồng, chăm sóc bảo vệ, phát triển rừng, khai thác gắn với chế biến và tiêu thụ lâm sản).

2. Những lâm trường đang quản lý chủ yếu là rừng phòng hộ có diện tích từ 5.000 ha trở lên, rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 ha trở lên (trường hợp đặc biệt có thể nhỏ hơn) thì chuyển thành Ban Quản lý rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng, hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu.

3. Những lâm trường đang quản lý diện tích đất rừng ít (dưới 1.000 ha), phân bố xen kẽ với đất nông nghiệp, gần khu dân cư thì rà soát điều chỉnh lại quy mô diện tích phù hợp và chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu, làm dịch vụ sản xuất cây giống, xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.

4. Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng nhỏ, phân tán; diện tích đất hoang hóa và đất khác, đất sử dụng không có hiệu quả của các lâm trường thuộc khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này thì chính quyền địa phương thu hồi để giao, cho thuê cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

5. Giải thể đối với những lâm trường thuộc diện sau:

a) Những lâm trường kinh doanh thua lỗ liên tục 3 năm trở lên, không có phương án khắc phục hiệu quả; những lâm trường có diện tích ít, nhưng không có nhu cầu và điều kiện chuyển sang đơn vị dịch vụ; những lâm trường không cần giữ lại.

b) Chính quyền địa phương thu hồi đất của các lâm trường giải thể để giao hoặc cho thuê đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng vào sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

6. Thực hiện thí điểm cổ phần hóa các lâm trường sở hữu kinh doanh rừng

trồng, có điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi, gần các trung tâm kinh tế, lâm trường có ít lao động đồng bào dân tộc thiểu số. Trước mắt thí điểm cổ phần hóa các lâm trường kinh doanh rừng trồng gắn với cơ sở chế biến, trong đó thực hiện bán cổ phần ưu đãi cho người sản xuất cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến.

### Chương III

## ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ

**Điều 5.** Cơ chế quản lý của các Công ty Lâm nghiệp

1. Các Công ty Lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, khi chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc cổ phần hóa thì hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Các Công ty Lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện cổ phần hóa cơ sở chế biến nông, lâm sản, thương mại, dịch vụ theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần; thực hiện bán cổ phần cho người sản xuất nguyên liệu; thí điểm cổ phần hóa rừng trồng.

3. Công ty Lâm nghiệp được lựa chọn các hình thức khoán rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ, trồng và khai thác rừng có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

4. Các Công ty Lâm nghiệp được dùng

các lợi thế của công ty (vốn, kỹ thuật, thị trường...) liên doanh, liên kết với các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để gây trồng rừng, kết hợp sản xuất nông, lâm nghiệp, chế biến tiêu thụ sản phẩm, đồng thời làm dịch vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Cơ chế hoạt động của các Ban Quản lý rừng

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định việc thành lập các Ban Quản lý rừng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế của Ban Quản lý rừng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

2. Ban Quản lý rừng có thể được giao làm chủ các dự án khoán bảo vệ, phục hồi rừng; dự án xóa đói, giảm nghèo vùng đệm do ngân sách tài trợ để hỗ trợ bảo vệ rừng.

3. Ban Quản lý rừng thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

### Chương IV

## CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

**Điều 7.** Về đất đai

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết các nội dung về đất đai sau đây:

1. Phối hợp các cơ quan chức năng, rà soát đất đai của các lâm trường quốc doanh đang quản lý, sử dụng trên địa bàn thuộc tỉnh.

2. Xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai (đất lâm trường bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm), giải quyết dứt điểm đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

3. Rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp quy hoạch sử dụng đất của các lâm trường quốc doanh: căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển lâm nghiệp của địa phương và kết quả rà soát đất đai của các lâm trường quốc doanh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định hoặc điều chỉnh lại diện tích, ranh giới các loại đất giao cho các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng dự kiến thành lập.

4. Thực hiện giao đất, cho thuê đất.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch sử dụng đất của lâm trường quốc doanh đã được xác định để quyết định việc giao đất, cho thuê đối với các tổ chức theo quy định sau đây:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với: Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu; đất để làm dịch vụ sản xuất giống, xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao

tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng và đất sử dụng vào mục đích công cộng trong các Công ty Lâm nghiệp.

b) Cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất của các Công ty Lâm nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng và các tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí để thực hiện việc rà soát đất, cắm mốc ranh giới, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Ban Quản lý rừng và các Công ty Lâm nghiệp.

5. Đối với diện tích đất không nằm trong quy hoạch để giao cho các Công ty Lâm nghiệp và Ban Quản lý rừng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi và ưu tiên giao diện tích đất này cho đồng bào dân tộc tại chỗ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất và đất ở theo mức bình quân chung tại địa phương. Việc quản lý và sử dụng những diện tích đất được thu hồi phải theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

6. Giải quyết đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên Công ty Lâm nghiệp.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá

nhân là cán bộ, công nhân viên Công ty Lâm nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Về đất ở: đối với các hộ gia đình, cá nhân (bao gồm cả những người đang làm việc, người nghỉ mất sức, người nghỉ hưu và những người xin thôi việc) có hộ khẩu hợp pháp trên địa bàn, chưa được cấp đất ở.

Đối với những hộ gia đình, cá nhân đã được lâm trường giao đất ở trước đây (đã định cư, sinh sống ổn định), nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các trường hợp này.

b) Về đất sản xuất: hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên Công ty Lâm nghiệp không còn việc làm do sắp xếp lại tổ chức, được ưu tiên giao đất để sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Mức đất giao cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên Công ty Lâm nghiệp bằng mức diện tích đất bình quân giao cho nhân khẩu của các hộ nông dân tại địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

c) Quỹ đất để giao đất ở, đất sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên Công ty Lâm nghiệp lấy trong quỹ đất hiện có của địa phương, trường hợp địa phương không còn quỹ đất thì lấy quỹ đất của lâm trường sau khi điều chỉnh lại quy hoạch để giao.

Các lâm trường quốc doanh có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ về quỹ đất bị thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất.

### **Điều 8. Về quản lý, sử dụng rừng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành, Tổng công ty chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát và xác định rõ diện tích, ranh giới, trạng thái các loại rừng của các lâm trường quốc doanh đang quản lý trên bản đồ và thực địa; đối với rừng trồng phải xác định giá trị của rừng để làm cơ sở xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

2. Bàn giao rừng: căn cứ vào phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành, Tổng công ty có lâm trường quốc doanh bàn giao rừng cho các Công ty Lâm nghiệp và Ban Quản lý rừng.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi và có phương án quản lý, sử dụng các khu rừng không nằm trong quy hoạch giao cho các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng.

Các lâm trường quốc doanh có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ về diện tích rừng và đất lâm nghiệp bị thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có rừng.

4. Việc quản lý, sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc

ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

### **Điều 9.** Về tài sản và tài chính

1. Các lâm trường quốc doanh tổ chức kiểm kê, đánh giá lại tài sản và vốn hiện có, xử lý nợ tồn đọng theo quy định như đối với các doanh nghiệp nhà nước thực hiện việc sắp xếp, đổi mới.

2. Các lâm trường quốc doanh bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền quản lý) các tài sản do lâm trường đầu tư xây dựng, hiện đang quản lý, sử dụng để phục vụ nhu cầu chung trên địa bàn bao gồm: đường giao thông, công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá. Đồng thời bàn giao cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam quản lý hệ thống điện do lâm trường đã đầu tư xây dựng để phục vụ chung cho dân cư trên địa bàn.

Việc bàn giao đường giao thông, hệ thống điện, công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá của lâm trường về địa phương quản lý thực hiện theo Quyết định số 255/2003/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao xử lý vốn vay và đầu tư tài sản đường giao thông, hệ thống điện, công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá của lâm trường về địa phương và Tổng công ty Điện lực Việt Nam quản lý.

3. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nhận bàn giao, nhận nợ từ lâm trường các tài sản, diện tích rừng hình thành bằng nguồn vốn vay ngân hàng.

Trường hợp tài sản diện tích rừng hình thành từ nguồn vốn tín dụng khi lâm trường bàn giao cho các ban quản lý (đơn vị sự nghiệp) nếu có khó khăn thì Nhà nước sẽ xem xét hỗ trợ như cơ chế quy định tại Điều 2 Quyết định số 255/2003/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc bàn giao tài sản, rừng cây, vườn cây lâu năm, giá trị đầu tư khai hoang cải tạo đất giữa các lâm trường và các bên có liên quan.

5. Hàng năm, căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ trồng, quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ và rừng đặc dụng được cấp có thẩm quyền giao, ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

6. Tiên bán gỗ và lâm sản khác khai thác từ rừng tự nhiên, Công ty Lâm nghiệp được sử dụng vào các mục đích sau:

a) Thanh toán chi phí tạo rừng của Công ty Lâm nghiệp (hợp đồng khoán cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức nhận khoán gây trồng, bảo vệ, nuôi dưỡng rừng theo hợp đồng khoán), trang trải chi phí cho việc khai thác, vận chuyển và tiêu thụ lâm sản.

b) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Các Công ty Lâm nghiệp còn phải

đảm nhận một phần chức năng, nhiệm vụ xã hội, an ninh, quốc phòng và các nhiệm vụ công ích khác thì phần chức năng, nhiệm vụ đó được Nhà nước cấp kinh phí theo dự án, kế hoạch được duyệt và phải hạch toán riêng.

8. Các Công ty Lâm nghiệp được giao quản lý những diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt, đang trong thời kỳ nuôi dưỡng, phục hồi, chưa được phép khai thác gỗ (địa bàn công ty đóng ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số) thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để quản lý, bảo vệ các khu rừng này theo cơ chế như đối với rừng phòng hộ.

**Điều 10.** Về lao động thuộc các lâm trường quốc doanh

1. Lâm trường quốc doanh tiến hành rà soát lại số cán bộ, nhân viên và lao động hiện có đến thời điểm sắp xếp, đổi mới. Xây dựng phương án bố trí cán bộ, công nhân viên, lao động của lâm trường theo hướng sử dụng tối đa phù hợp với năng lực, sở trường của người lao động.

2. Giải quyết lao động dôi dư: trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, những cán bộ, công nhân viên lâm trường không bố trí được việc làm được giải quyết chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Riêng đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số

09/2003/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ bổ sung Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

3. Cán bộ, công nhân viên trong danh sách của Công ty Lâm nghiệp, đang làm việc, có hưởng lương từ công ty hoặc không hưởng lương từ công ty nhưng có thu nhập từ kết quả sản xuất do nhận khoán đất, nhận khoán rừng, vườn cây của công ty thì công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định có liên quan của pháp luật về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

4. Đối với số cán bộ, công nhân viên nhận khoán, nếu vẫn hưởng lương theo cấp bậc công việc thì công việc khoán đó phải được thể hiện trong hợp đồng lao động theo quy định hiện hành. Nếu tiền công được tính vào kết quả khoán thì phải được quy định rõ hình thức trả lương trong hợp đồng lao động.

**Điều 11.** Chính sách khoa học và công nghệ

1. Các Công ty Lâm nghiệp được Nhà nước hỗ trợ để phát triển, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, nhất là về giống cây trồng rừng có năng suất, chất lượng cao; xây dựng các cơ sở nhân giống mới bằng mô, hom để cung cấp cho trồng rừng nguyên liệu công nghiệp; chuyển giao, tiến bộ khoa học - công nghệ mới và làm dịch vụ khuyến lâm, thông tin thị trường cho nông dân trong vùng.

2. Khuyến khích rộng rãi việc hợp tác, liên doanh, liên kết giữa Công ty Lâm nghiệp với các nhà đầu tư, các viện, trường, trung tâm, cơ sở nghiên cứu khoa học của Trung ương, vùng, địa phương để bảo vệ nguồn gen, chọn lọc, lai tạo và sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có sức cạnh tranh lớn trên thị trường.

### Chương V

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12.** Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương, các Bộ, ngành xây dựng Đề án sắp xếp đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh hiện có; thẩm định các đề án để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thành lập Ban Chỉ đạo từ Trung ương xuống tỉnh để thực hiện Nghị định của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh. Ở Trung ương do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Trưởng ban, thành viên là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo là xử lý kịp thời các vướng mắc khó khăn, tổng hợp phương án của các ngành và các địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và

Môi trường, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung thuộc chức năng quản lý để thực hiện Nghị định này.

**Điều 13.** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng Đề án sắp xếp lâm trường quốc doanh hiện có, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý I năm 2005 và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

2. Chỉ đạo các ngành chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất, phương án điều chế rừng, phương án sản xuất, kinh doanh (đối với các lâm trường được chuyển thành Công ty Lâm nghiệp); phương án giải thể, đề án chuyển đổi (đối với những lâm trường quốc doanh phải giải thể hoặc chuyển đổi thành Ban Quản lý rừng và hình thức kinh doanh khác); phê duyệt các phương án, đề án trên để các Công ty, Ban Quản lý rừng tổ chức thực hiện.

**Điều 14.** Trách nhiệm của các Tổng công ty

1. Xây dựng Đề án sắp xếp lại lâm trường quốc doanh hiện có trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đối với Tổng công ty 91); trình Bộ trực tiếp quản lý để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đối với Tổng công ty 90) trong quý I năm 2005.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương chỉ đạo các Công ty Lâm nghiệp rà soát đất đai và làm các thủ tục



trình Ủy ban nhân dân tỉnh sở tại giao, cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty Lâm nghiệp trực thuộc.

3. Phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương có Công ty Lâm nghiệp hướng dẫn các công ty xây dựng quy hoạch sử dụng đất, phương án điều chế rừng trình Ủy ban nhân dân tỉnh sở tại phê duyệt.

4. Hướng dẫn Công ty Lâm nghiệp xây dựng và phê duyệt phương án sản xuất, kinh doanh của các Công ty Lâm nghiệp trực thuộc và chỉ đạo công ty tổ chức thực hiện.

### Chương VI

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 15.** Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Những quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số **212/2004/QĐ-TTg** ngày **16/12/2004** phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm **2005** đến năm **2010**.

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010 (gọi tắt là Chương trình quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật) gồm những nội dung chủ yếu sau đây: